

Số 01/QĐ – TrMNHB

Mường thanh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Trường mầm non
Hoa Ban thành phố Điện Biên Phủ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA BAN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Hiệu trưởng Trường mầm non được qui định tại điều 10, thông tư số 52/2020/TT-BGD-ĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 396/QĐ-PGDĐT ngày 26/12/2023 Về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Ban thành phố Điện Biên Phủ (có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lưu :VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Lợi

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-MNHB, ngày 02 tháng 01 năm 2024)

STT	Nội dung	Đơn vị tính: đồng Số tiền
A	Tổng số thu ngân sách, phí, lệ phí	5.329.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.329.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.329.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	5.329.000.000
1.1	Kinh phí thường xuyên	5.226.610.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên	102.390.000

Số: 396/QĐ - PGDDĐT

Điện Biên Phủ, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Phủ

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Quyết định số 2336/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách thành phố Điện Biên Phủ năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH

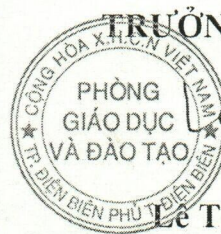
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ (có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các bộ phận: Kế toán, Kiểm tra Phòng Giáo dục - Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trường học trực thuộc Phòng Giáo dục – Đào tạo thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH thành phố;
- Website Phòng GD-ĐT;
- Lưu: VT, KTTH.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Hồng

BẢNG CHI TIẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số: 396 /QĐ-GDDT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố)

Tính chất nguồn kinh phí: Kinh phí tự chủ - Không tự chủ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao	Ghi chú
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	341,932,000,000	
I	Chi Quản lý hành chính	1,884,000,000	
	Kinh phí chi thường xuyên	1,884,000,000	
II	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	340,048,000,000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục mầm non	115,657,000,000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	102,756,660,000	(C622-K071-N13)
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12,900,340,000	(C622-K071-N12)
	- KP hỗ trợ CP học tập	606,150,000	
	- KP miễn giảm học phí	115,710,000	
	- KP học sinh dân tộc ít người theo ND 57/2017/ND-CP	6,480,000	
	- Kinh phí thực hiện ND 105/2020/ND-CP	916,000,000	
	- Chi sửa chữa nhà trường MN Nà Tấu	300,000,000	
	- Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học	6,000,000,000	
	- Sửa chữa trường MN xã Nà Tấu	1,538,000,000	
	- Sửa chữa trường MN Hoa Sen	1,118,000,000	
	- Sửa chữa trường mầm non số 1 xã Pá Khoang	600,000,000	
	- Sửa chữa trường mầm non số 2 xã Nà Nhạn	600,000,000	
	- Sửa chữa trường MN Hoa Mơ	500,000,000	
	- Sửa chữa điểm trường phố 6 - MN Thanh Trường	600,000,000	
2	Chi sự nghiệp Giáo dục Tiểu học	113,624,000,000	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	102,500,900,000	(C622-K072-N13)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11,123,100,000	(C622-K072-N12)
	- KP hỗ trợ CP học tập	1,309,950,000	
	- KP Nghị định 116/2016/ND-CP	313,590,000	
	- KP học sinh dân tộc ít người theo ND 57/2017/ND-CP	21,560,000	
	- Chế độ chính sách GD với người khuyết tật	28,000,000	
	- Sửa chữa tài sản công	1,000,000,000	
	- Hội khỏe phù đồng	350,000,000	
	- Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học	7,000,000,000	
	- Sửa chữa trường Tiểu học số 2 xã Nà Tấu	600,000,000	
	- Sửa chữa trường TH Noong Bua	500,000,000	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục Trung học cơ sở	110,767,000,000	

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	91,680,440,000	(C622-K073-N13)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	19,086,560,000	(C622-K073-N12)
	- KP hỗ trợ miễn giảm học phí	131,290,000	
	- KP Nghị định 116/2016/NĐ-CP	1,456,410,000	
	- KP học sinh dân tộc ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	12,960,000	
	- KP hỗ trợ CP học tập	1,238,900,000	
	- Sửa chữa tài sản công	4,597,000,000	
	- Hội khỏe phù đồng	650,000,000	
	- Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học	7,000,000,000	
	- Sửa chữa trường TH&THCS Herman Gmeiner	2,800,000,000	
	- Sửa chữa trường THCS Tân Bình	600,000,000	
	- Sửa chữa trường THCS Võ Nguyên Giáp	600,000,000	

BẢNG CHI TIẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số: 396/QĐ-GDDT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố)

STT	Họ và tên	Biên chế	Công tiền trong biên chế + hợp đồng + các khoản đóng góp theo lương	Chi thường xuyên				Công nguồn 13	Nguồn 12				Chiế độ chính sách học sinh							Tổng cộng (Lâm tròn số)	Ghi chú
				Chi thường xuyên	Khoản 60% học phí	Ngân sách cấp chi thường xuyên	Cấp ngoài chi khác		Cộng nguồn 12	Trong đó			Nghị định 105/2020/ND-CP	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ cấp bù miễn giảm học phí	Hỗ trợ học sinh ND 11/6/2016	Hỗ trợ học sinh dân tộc ít người	Hỗ trợ học sinh khuyết tật			
										Sửa chữa, Hội thảo	mua sắm trang thiết bị	Tổng cộng chế độ chính sách									
	Sự nghiệp Giáo dục	1.417	275.621.557	11.262.000	1.959.000	15.933.743	5.364.000	296.938.000	43.110.000	16.953.000	20.000.000	6.157.000	916.000	3.155.000	247.000	1.770.000	41.000	28.000	340.048.000		
1	1. Sự nghiệp mầm non	535	95.533.539	4.280.000	1.432.000	5.126.121	2.097.000	102.756.660	12.900.340	5.256.000	6.000.000	1.644.340	916.000	606.150	115.710	-	6.480	-	115.657.000		
1	1. Trường MN Nà Nhạn	22	3.278.642	176.000	42.000	134.000	75.000	3.487.910	141.090		60.000	81.090	45.540	28.350	7.200				3.629.000		
2	2. Trường MN Nà Tấu	25	3.704.699	200.000	59.000	141.000	25.000	3.870.525	501.475	300.000	99.000	102.475	57.330	35.100	10.045				4.372.000		
3	3. Trường MN Vô Nguyên Giáp	18	2.639.232	144.000	33.000	111.000	125.000	2.875.470	680.530		654.000	26.530	12.960	12.150	1.420				3.556.000		
4	4. Trường MN số 1 Pá Khương	21	3.420.981	168.000	19.000	149.000	25.000	3.594.910	437.090			437.090	254.390	160.650	22.050				4.032.000		
5	Trường MN số 2 Nà Nhạn	24	3.717.077	192.000	50.000	142.000	431.000	4.290.130	364.870		167.000	197.870	120.000	62.100	15.770				4.655.000		
6	6. Trường MN Tả Càng	19	2.826.465	152.000	23.000	129.000	140.000	3.095.095	696.905		545.000	151.905	77.220	60.750	13.935				3.792.000		
7	7. Trường MN Mátung Phang	19	2.937.995	152.000	41.000	111.000	25.000	3.074.100	276.900		229.000	47.900	23.040	20.250	4.610				3.351.000		
8	8. Trường MN số 2 Pá Khương	17	2.949.072	136.000	25.000	111.000	75.000	3.134.890	686.110		410.000	276.110	170.000	93.150	12.960				3.821.000		
9	9. Trường MN Hòa Sơn	16	2.679.103	128.000	31.000	97.000	25.000	2.801.210	671.790		660.000	11.790	5.760	5.400	630				3.473.000		
10	10. Trường MN Hòa Mí	14	2.407.039	112.000	15.000	97.000	70.000	2.573.710	106.290		94.000	12.290	7.200	4.050	1.040				2.680.000		
11	11. Trường MN 7_5	39	7.425.269	312.000	102.000	210.000	25.000	7.660.440	293.560		272.000	21.560	7.200	6.750	1.130	6.480			7.954.000		
12	12. Trường MN Him Lam	27	5.038.700	216.000	58.000	158.000	95.000	5.291.970	22.030			22.030	10.080	10.800	1.150				5.314.000		
13	13. Trường MN Nam Thanh	29	5.073.282	232.000	85.000	147.000	125.000	5.345.540	402.460		378.000	24.460	10.080	12.150	2.230				5.748.000		
14	14. Trường MN Hoa Ban	27	5.050.588	216.000	65.000	151.000	25.000	5.226.610	102.390		90.000	12.390	5.760	5.400	1.230				5.329.000		
15	15. Trường MN Thanh Trường	39	6.556.092	312.000	82.000	230.000	173.000	6.958.910	381.090		300.000	81.090	38.880	33.750	8.460				7.340.000		
16	16. Trường MN Hòa Mờ	19	3.306.306	152.000	35.000	117.000	25.000	3.448.120	113.880		95.000	18.880	10.080	8.100	700				3.562.000		
17	17. Trường MN Noong Bua	23	4.057.032	184.000	71.000	113.000	25.000	4.194.940	80.660		50.000	30.060	14.400	13.500	2.160				4.275.000		
18	18. Trường MN Sơn Ca	21	3.903.551	168.000	40.000	128.000	125.000	4.156.890	954.110		920.000	34.110	15.840	14.850	3.420				5.111.000		
19	19. Trường MN Hoa Hồng	31	5.204.798	248.000	62.000	186.000	25.000	5.415.480	7.520			7.520	4.320	2.700	500				5.423.000		
20	20. Trường MN Hoa Mai	16	2.685.233	128.000	23.000	105.000	265.000	3.055.420	311.580		293.000	18.580	8.640	8.100	1.840				3.367.000		
34	34. Trường MN 20 - 10	29	5.310.607	232.000	108.000	124.000	25.000	5.459.710	410.290		400.000	10.290	5.760	4.050	480				5.870.000		

Đơn vị tính: Nguyên đồng

Đơn vị tính: Nguyên đồng

[illegible]

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 396/QĐ-PGDĐT ngày 26/12/202 Về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của đơn vị;

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Phòng Hội đồng trường Mầm non Hoa Ban.

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1.Đ/C: Phạm Thị Lợi | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2.Đ/C: Phạm Thị Thu | Chức vụ: Phó hiệu trưởng |
| 3.Đ/C: Nguyễn Thị Hạnh | Chức vụ: Kế toán |
| 4. Đ/C: Cao Thu Hà | Trưởng ban TTND |
| 5.Đ/C: Lê Thị Thu Hương | Thư ký nhà trường |

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu “ Dự toán ngân sách năm 2024”

Thời gian niêm yết: Từ ngày đến ngày 02/01/2024 đến 09/2/2024.

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường Mầm non Hoa Ban và trên bảng tin của nhà trường.

Biên bản lập xong vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 02 tháng 01 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



Phạm Thị Lợi

P.HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu

THƯ KÝ

Lê Thị Thu Hương

TRƯỞNG BAN TTND

Cao Thu Hà

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hạnh